

Phụ lục 4:

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
ĐẠI HỌC KHÓA 11 (2015 - 2019) ĐỢT 1 THÁNG 6 NĂM 2019 - ĐÀO TẠO TẠI HÀ NỘI
Ngành: Quản trị kinh doanh**

(Kèm theo Quyết định số: 1169/QĐ - ĐHLĐXH, ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1111050001	Cao Việt Anh	Nữ	D11QK1	01/10/1997	Quảng Ninh	2.4	Trung bình	
2	1111050009	Đặng Thị Mai Châu	Nữ	D11QK1	16/08/1997	Phú Thọ	3.09	Khá	
3	1111050013	Phạm Thị Đan Chi	Nữ	D11QK1	22/06/1997	Quảng Ninh	2.84	Khá	
4	1111050019	Hoàng Kỳ Duyên	Nữ	D11QK1	03/11/1997	Tuyên Quang	2.31	Trung bình	
5	1111050018	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	D11QK1	30/04/1997	Tuyên Quang	2.41	Trung bình	
6	1111050023	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	D11QK1	02/10/1997	Hà Nam	3.07	Khá	
7	1111050027	Nguyễn Thị Mai Hiền	Nữ	D11QK1	02/10/1997	Quảng Ninh	3.08	Khá	
8	1111050039	Phạm Thị Thanh Huyền	Nữ	D11QK1	05/04/1997	Ninh Bình	2.7	Khá	
9	1111050040	Phạm Thị Thu Huyền	Nữ	D11QK1	15/10/1997	Ninh Bình	2.37	Trung bình	
10	1111050044	Phạm Đăng Khiêm	Nam	D11QK1	09/11/1997	Quảng Ninh	2.75	Khá	
11	1111050057	Trần Bích Ngọc	Nữ	D11QK1	18/12/1997	Bắc Ninh	2.53	Khá	
12	1111050068	Dương Thị Hồng Thơm	Nữ	D11QK1	04/10/1997	Ninh Bình	2.49	Trung bình	
13	1111050074	Bùi Quang Trung	Nam	D11QK1	16/05/1997	Hà Nội	2.42	Trung bình	
14	1111050078	Đặng Thị Vân	Nữ	D11QK1	14/01/1997	Hưng Yên	2.94	Khá	
15	1111050080	Vũ Thị Cẩm Vân	Nữ	D11QK1	01/09/1997	Hải Dương	2.57	Khá	
16	1111050100	Nguyễn Hồng Hải	Nữ	D11QK2	28/12/1997	Hà Nội	2.87	Khá	
17	1111050104	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	D11QK2	23/11/1997	Nam Định	2.74	Khá	
18	1111050108	Lê Thị Mai Hương	Nữ	D11QK2	13/08/1997	Tuyên Quang	3	Khá	
19	1111050128	Vũ Thị Thơ Minh	Nữ	D11QK2	22/12/1997	Thái Bình	2.44	Trung bình	
20	1111050132	Lê Thị Thảo Nguyên	Nữ	D11QK2	04/11/1997	Quảng Ninh	2.67	Khá	
21	1111050138	Nguyễn Hoàng Quy	Nữ	D11QK2	27/12/1997	Phú Thọ	2.63	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
22	1111050143	Bùi Minh Thành	Nam	D11QK2	28/06/1997	Hà Nội	2.29	Trung bình	
23	1111050149	Nguyễn Thanh Thuý	Nữ	D11QK2	05/05/1997	Hải Dương	2.59	Khá	
24	1111050152	Hoàng Hương Trà	Nữ	D11QK2	03/07/1997	Hà Nội	3.19	Khá	
25	1111050153	Hoàng Thị Trang	Nữ	D11QK2	25/09/1997	Tuyên Quang	2.23	Trung bình	
26	1111050154	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	D11QK2	15/11/1997	Hà Nội	3.01	Khá	
27	1111050161	Bùi Ngọc Anh	Nữ	D11QK3	27/05/1997	Hà Nội	2.69	Khá	
28	1111050177	Nguyễn Thị Dung	Nữ	D11QK3	16/03/1997	Thái Bình	3.09	Khá	
29	1111050178	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	D11QK3	24/09/1997	Phú Thọ	3.24	Giỏi	
30	1111050193	Hoàng Vũ Thanh Hương	Nữ	D11QK3	17/10/1997	Yên Bái	2.74	Khá	
31	1111050216	Nguyễn Phong Nhã	Nữ	D11QK3	14/04/1997	Bắc Ninh	2.44	Trung bình	
32	1111050217	Phạm Hồng Nhật	Nữ	D11QK3	11/08/1997	Hải Phòng	2.38	Trung bình	
33	1111050220	Nguyễn Hà Oanh	Nữ	D11QK3	17/08/1997	Nghệ An	2.79	Khá	
34	1111050228	Nguyễn Thanh Thiên	Nam	D11QK3	15/12/1997	Thanh Hoá	2.61	Khá	
35	1111050242	Đỗ Thị Châu Anh	Nữ	D11QK4	08/07/1997	Bắc Giang	2.84	Khá	
36	1111050251	Vũ Thị Phương Anh	Nữ	D11QK4	02/06/1997	Ninh Bình	2.93	Khá	
37	1111050252	Vũ Thị Vân Anh	Nữ	D11QK4	10/07/1995	Thanh Hóa	2.57	Khá	
38	1111050260	Nguyễn Linh Đan	Nữ	D11QK4	02/11/1997	Thái Bình	2.67	Khá	
39	1111050263	Nguyễn Bảo Đức	Nam	D11QK4	28/05/1993	Bắc Ninh	3.25	Giỏi	
40	1111050266	Trương Thị Mỹ Hạnh	Nữ	D11QK4	02/12/1996	Hải Dương	2.91	Khá	
41	1111050269	Nguyễn Thị Thanh Hoài	Nữ	D11QK4	30/10/1997	Thanh Hóa	3	Khá	
42	1111050277	Vũ Thị Phương Khánh	Nữ	D11QK4	02/09/1996	Vĩnh Phúc	3.2	Giỏi	
43	1111050283	Vũ Tuyết Mai	Nữ	D11QK4	28/10/1997	Hà Nam	2.79	Khá	
44	1111050288	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	D11QK4	07/11/1997	Hà Nội	2.77	Khá	
45	1111050296	Vũ Thị Hồng Nhung	Nữ	D11QK4	18/03/1997	Yên Bái	2.78	Khá	
46	1111050318	Vương Đức Tuấn	Nam	D11QK4	13/08/1996	Hải Dương	2.23	Trung bình	
47	1111050332	Trương Thị Thanh Bình	Nữ	D11QK5	16/02/1996	Vĩnh Phúc	2.81	Khá	
48	1111050341	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	D11QK5	25/12/1997	Điện Biên	2.97	Khá	
49	1111050343	Lê Thị Thu Hằng	Nữ	D11QK5	10/11/1997	Vĩnh Phúc	2.63	Khá	
50	1111050350	Nguyễn Văn Huân	Nam	D11QK5	03/10/1997	Thái Bình	2.57	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
51	1111050353	Lê Gia Huy	Nam	D11QK5	01/02/1997	Hà Nội	2.6	Khá	
52	1111050351	Nguyễn Thị Hương	Nữ	D11QK5	18/05/1997	Hải Dương	2.65	Khá	
53	1111050360	Đỗ Thị Thuý Linh	Nữ	D11QK5	19/09/1997	Hà Nội	2.78	Khá	
54	1111050365	Đào Thị Luyến	Nữ	D11QK5	05/10/1997	Hà Nội	2.62	Khá	
55	1111050384	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	D11QK5	22/07/1996	Nam Định	2.64	Khá	
56	1111050390	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	D11QK5	16/11/1997	Nghệ An	3.15	Khá	
57	1111050391	Đào Lê Thuý Tiên	Nữ	D11QK5	15/01/1997	Thái Nguyên	2.76	Khá	
58	1111050395	Nguyễn Văn Trường	Nam	D11QK5	01/01/1997	Hải Dương	2.58	Khá	
59	1111050406	Nguyễn Văn Công	Nam	Đ11ST.QK06	08/06/1996	Hà Nội	2.66	Khá	
60	1111050407	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	Đ11ST.QK06	12/02/1997	Nghệ An	2.54	Khá	
61	1111050492	Phan Thị Hải	Nữ	Đ11ST.QK06	10/08/1997	Hà Nội	2.52	Khá	
62	1111050438	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	Đ11ST.QK06	20/07/1997	Thanh Hóa	2.84	Khá	
63	1111050416	Trần Thị Lam	Nữ	Đ11ST.QK06	16/02/1997	Ninh Bình	2.66	Khá	
64	1111050405	Trần Nguyễn Hạnh Linh	Nữ	Đ11ST.QK06	02/08/1997	Hà Nội	2.6	Khá	
65	1111050408	Lê Quang Minh	Nam	Đ11ST.QK06	12/10/1997	Hưng Yên	2.37	Trung bình	
66	1111050465	Nguyễn Thu Trang	Nữ	Đ11ST.QK06	15/03/1997	Tuyên Quang	2.59	Khá	

Danh sách này có 66 sinh viên, trong đó xếp hạng tốt nghiệp loại:

Giỏi	3 sinh viên;
Khá	50 sinh viên;
Trung bình	13 sinh viên.

HIỆU TRƯỞNG
TS. Hà Xuân Hùng